

Bản án số: 52/2023/HS - ST
Ngày: 20/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và ông Ma Doãn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST - HS ngày 12/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST- HS ngày 08/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐ-TA ngày 22/11/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 01/12/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 04/TB-TA ngày 08/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Sầm Đình T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/12/1988 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn Th và con bà Triệu Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2023 đến ngày 08/11/2023. Hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác theo lệnh tạm giam số: 13/LTG- CSĐT ngày 09/11/2023 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định khởi tố bị can số: 56/QĐ-CSĐT ngày 09/11/2023 và bị tạm giam từ ngày 09/11/2023 đến nay. Có mặt.

2. La Văn T2, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/5/1986 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn V và con bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: (ngày 24/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái

phép chất ma túy" theo Bản án số 55/2009/HTST đến ngày 21/5/2011 chấp hành xong án phạt tù. Hiện đã được xóa án tích).

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2023 cho đến nay. Có mặt.

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1968; Trú tại thôn L, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hiện tạm trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Nguyễn Việt Th1, sinh năm 1978; Trú tại xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tạm trú tại thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Hoàng Doãn C, sinh năm 1981; Trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Tô Văn T3, sinh năm 1978; Trú tại thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 20 giờ 00 phút ngày 15/4/2023, Sầm Đình T sử dụng điện thoại di động của mình gọi cho T2 (T2 sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng mượn của mẹ đẻ mình là bà Nguyễn Thị L1) để bảo T2 đi xe đến đón T ở đình dốc N thuộc thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20M4 - 0988 (xe thuộc sở hữu của T2) đến chỗ hẹn để đón T. Khi đến nơi thì T và T2 rủ nhau đến xưởng gỗ của ông Nguyễn Việt H để trộm cắp tài sản, rồi T2 điều khiển xe chở T đến khu vực bờ suối gần xưởng rồi đi bộ đến xưởng chế biến gỗ của ông H, khi đến nơi phát hiện tại nhà xưởng chính (không có tường rào bao xung quanh) có lắp Camera nên T đã rút nguồn điện để tắt hệ thống camera. Sau đó cả hai bật đèn pin (đèn Flash) điện thoại của mình để soi sáng rồi sử dụng kìm và mỏ lết do T chuẩn bị từ trước rồi cùng nhau tháo lấy 02 (hai) chiếc mô tô lắp ở máy bóc gỗ ra rồi tiếp tục sang khu vực nhà xưởng phụ cùng nhau tháo lấy 01 (một) chiếc mô tô lắp ở máy xẻ gỗ. Sau khi tháo lấy trộm được 03 (ba) chiếc mô tô thì T và T2 cho vào 03 (ba) chiếc bao tải dứa màu trắng lấy ở khu vực xưởng phụ rồi cùng nhau vác ra vị trí để xe mô tô. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì T2 điều khiển xe mô tô chở theo T cùng 03 (ba) chiếc mô tô trộm được mang lên khu vực thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để bán. Khi lên đến điểm thu mua phế liệu của anh Hoàng Doãn C thì T sử dụng điện thoại của T2 gọi cho anh C để bán 03 (ba) chiếc mô tô trộm được và anh C đồng ý mua. Sau đó anh C cân 03 (ba) chiếc mô tô có khối

lượng là 100kg (một trăm kilôgam) rồi thanh toán cho T và T2 số tiền 1.370.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và sau đó T và T2 đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Ngoài ra quá trình điều tra, T2 và T còn khai nhận trước đó cả hai cùng nhau thực hiện 02 (lần) trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 20 giờ ngày 09/4/2023 thì T và T2 đã có hành vi lén lút cắt lấy trộm tổng 36,30m (ba mươi sáu phẩy ba mươi mét) dây điện, màu đen, đã qua sử dụng, có khối lượng là 11kg (mười một kilôgam) tại xưởng gỗ của ông Nguyễn Việt H rồi đem bán cho anh Tô Văn T3 được số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ hai, khoảng 20 giờ ngày 14/4/2023 thì T và T2 đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 (hai) chiếc quạt cây công nghiệp màu đen tại xưởng chế biến gỗ của anh Nguyễn Văn Th1 rồi đem bán cho anh Hoàng Doãn C được số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 17/4/2023, anh Hoàng Doãn C tự nguyện giao nộp 01 (một) chiếc quạt công nghiệp màu đen, nhãn hiệu KOMASU, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc quạt công nghiệp màu đen, nhãn hiệu CHINGHAI, đã qua sử dụng; 03 (ba) mô tơ các loại (trong đó có 01 (một) chiếc loại 5,5 Kw, 02 (hai) chiếc loại 3,5 Kw). Anh Tô Văn T3 tự nguyện giao nộp 01 (một) bao tải màu xanh bên trong đựng nhiều đoạn dây điện màu đen dài, ngắn khác nhau được cuộn tròn, lõi có nhiều sợi bằng kim loại dài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: “01 (một) chiếc mô tơ màu xám bạc, đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 29,3 kg có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 1.125.000 đồng; 01 (một) chiếc mô tơ màu xám bạc, đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 28,1 kg có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 1.125.000 đồng; 01 (một) chiếc mô tơ màu xám bạc, đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 43 kg có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 2.450.000 đồng; 01 (một) chiếc quạt công nghiệp (loại quạt đứng), màu đen, đã qua sử dụng, trên phần chân đế quạt có ghi dòng chữ KOMASU và KOREA có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 850.000 đồng; 01 (một) chiếc quạt công nghiệp (loại quạt đứng), màu đen, đã qua sử dụng, trên phần chân đế quạt có ghi dòng chữ CHINGHAI có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 850.000 đồng; 36,30m (ba mươi sáu phẩy ba mươi mét) dây điện, màu đen, đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu có khối lượng là 11kg có giá trị tại thời điểm tháng 4/2023 là 935.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản định giá là 7.335.000 đồng”.

Do giá trị tài sản T và T2 lấy trộm ngày 09, 14/4/2023 đều dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bản thân T và T2 thời điểm thực hiện hành vi bản thân đều không có tiền án, tiền sự gì liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi của T và T2 lấy trộm 03 (ba) chiếc mô tơ có tổng giá trị 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) vào ngày 15/4/2023 đã yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại cáo trạng số 49/CT - VKSCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát

nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Sầm Đình T và La Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn giữ quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sầm Đình T và La Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Sầm Đình T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo La Văn T2 từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về vật chứng:

Đối với 03 (ba) chiếc mô tô điện đã qua sử dụng xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Việt H nên đề nghị trả lại cho ông H sở hữu.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: Dream II; màu sơn: nâu; yếm xe màu trắng biển số: 20M4 – 0988 quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo La Văn T2, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng, xe có số khung, số máy và biển kiểm soát không đồng nhất (của 2 xe khác nhau) và không xác định được chủ sở hữu. Do đó đề nghị cần giao lại cho Công an huyện C tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L1 (mẹ bị cáo T2), khi cho T2 mượn điện thoại bản thân bà L1 không biết việc T2 mượn điện thoại rồi sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản và bà có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại do vậy đề nghị trả lại cho bà L1 chiếc điện thoại.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại điện thoại có phím bấm xác định là tài sản hợp pháp của Sầm Đình T có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo đề nghị tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 (hai) chiếc quạt công nghiệp (loại quạt đứng) màu đen đã qua sử dụng và 36,30 m (ba sáu phẩy ba không mét) dây điện màu đen đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 11kg. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với tổng số tiền 2.770.000đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà Sầm Đình T và La Văn T2 nhận được (trong đó có số tiền 1.370.000đ bán 03 chiếc mô tô trộm được) từ việc bán các tài sản trộm cắp được trong các ngày 09, 14, 15/4/2023 cho anh Hoàng Doãn C và anh Tô Văn T3 thì sau đó T và T2 đã chi tiêu cá nhân hết. Nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

Đối với 01 (một) chiếc kim, 01 (một) mỏ lết được T và T2 sử dụng để tháo trộm 03 (ba) chiếc mô tô tại xưởng gỗ của ông Nguyễn Viết H thì sau đó T đã vút bỏ xuống suối tại khu vực thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhưng T không nhớ vị trí và 03 (ba) chiếc bao tải dứa màu trắng mà T và T2 lấy ở xưởng gỗ ông Nguyễn Viết H để đựng 03 (ba) chiếc mô tô trộm được sau đó mang bán cho anh Hoàng Doãn C thì anh C đã bỏ ra, không nhớ để đâu. Nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

Phần dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Viết H chỉ có yêu cầu được nhận lại 03 (ba) chiếc mô tô mà Sầm Đình T và La Văn T2 đã lấy trộm. Ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Doãn C là người được mua 03 (ba) chiếc mô tô và 02 (hai) chiếc quạt mà T2 và T lấy trộm được của ông H. Hiện tại anh C yêu cầu T và T2 phải trả lại tổng số tiền 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà anh C đã bỏ ra mua 03 (ba) chiếc mô tô và 02 (hai) chiếc quạt do T và T2 trộm được mang bán cho ông C và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác. Tuy nhiên do 02 (hai) chiếc quạt do T và T2 trộm được mang bán cho ông C với số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền (xử lý hành chính). Nên không đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án này. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường (hoàn trả lại) cho anh C số tiền là 1.370.000 đồng mà anh C đã bỏ ra mua 03 (ba) chiếc mô tô.

Bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ bị cáo La Văn T2) là chủ sở hữu và cho T2 mượn chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO để sử dụng và sau đó T2 dùng vào việc liên lạc với Sầm Đình T và gọi cho Hoàng Doãn C để bán 03 (ba) chiếc mô tô trộm được vào ngày 15/4/2023. Tuy nhiên bản thân bà L1 không biết việc T2 mượn điện thoại rồi sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản và bà có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại đề nghị trả lại cho bà L1 chiếc điện thoại đang bị tạm giữ, ngoài ra bà L1 không có yêu cầu, đề nghị T2 bồi thường gì khác.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và các vấn đề khác như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định được như sau: Trong thời gian từ ngày 09/4/2023 đến ngày 15/4/2023 Sầm Đình T và La Văn T2 đã có hành vi 03 lần lén lút chiếm đoạt tài sản trái pháp luật ở 03 (ba) thời điểm và có giá trị khác nhau, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 20 giờ ngày 09/4/2023 thì T và T2 đã có hành vi lén lút cắt lấy trộm tổng 36,30m (ba mươi sáu phẩy ba mươi mét) dây điện, màu đen, đã qua sử dụng, có khối lượng là 11kg (mười một kilôgam) tại xưởng gỗ của ông Nguyễn Viết H rồi đem bán cho ông Tô Văn T3 được số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Lần thứ hai, khoảng 20 giờ ngày 14/4/2023 thì T và T2 đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 (hai) chiếc quạt cây công nghiệp màu đen tại xưởng chế biến gỗ của ông Nguyễn Văn Th1 rồi đem bán cho ông Hoàng Doãn C được số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15/4/2023, tại khu vực xưởng chế biến gỗ ở thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thuộc sở hữu của ông Nguyễn Viết H, Sầm Đình T và La Văn T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 (ba) chiếc xe mô tô các loại có tổng giá trị 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) để nhằm mục đích mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi trộm cắp được thì T và T2 mang bán cho anh Hoàng Doãn C được số tiền 1.370.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được các bị cáo đã cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định được: Mặc dù Sầm Đình T và La Văn T2 03 (ba) lần thực hiện trộm cắp tài sản ở 03 (ba) thời điểm và có giá trị khác nhau, nhưng do giá trị tài sản T và T2 lấy trộm ngày 09, 14/4/2023 đều dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bản thân T và T2, tại thời điểm thực hiện hành vi các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự gì liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi của T và T2 lấy trộm 03 (ba) chiếc mô tô có tổng giá trị 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) vào ngày 15/4/2023 đã yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 49/CT - VKSCĐ ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như mô tả trong Bản cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Sầm Đình T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Tứ còn khai có ông nội là Sầm Văn L2 là người có

công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là quyền được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo Sầm Đình lại tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn khởi tố bị can và bắt tạm theo Quyết định khởi tố bị can số 56/QĐ-CSĐT ngày 09/11/2023 và Lệnh tạm giam số 13/LTG-CSĐT ngày 09/11/2023 và bị tạm giam từ ngày 09/11/2023 đến nay.

Bị cáo La Văn T2 trước đó ngày 24/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 55/2009/HTST đến ngày 21/5/2011 chấp hành xong án phạt tù. Hiện đã được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương không chịu tu dưỡng bản thân để làm một công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật gây bức xúc trong cộng đồng dân cư. Xét tình hình an ninh trật tự của địa phương thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, đồng thời cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố; căn cứ tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn không có tổ chức, phân công, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nên được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện, các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là ông Nguyễn Viết H chỉ có yêu cầu được nhận lại 03 (ba) chiếc mô tô mà Sầm Đình T và La Văn T2 đã lấy trộm. Ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Anh Hoàng Doãn C là người được mua 03 (ba) chiếc mô tô mà T2 và T lấy trộm được vào ngày

15/4/2023. Hiện tại anh C yêu cầu T và T2 phải trả lại tổng số tiền 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà anh C đã bỏ ra mua 03 (ba) chiếc mô tô và 02 (hai) chiếc quạt do T và T trộm được và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác. Tuy nhiên, tài sản là 02 (hai) chiếc quạt do T và T2 trộm cắp vào ngày 14/4/2023 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền (xử lý hành chính). Nên số tiền 400.000 đồng anh C bỏ ra mua 02 (hai) chiếc quạt sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Còn lại số tiền 1.370.000 đồng anh C đã bỏ ra mua 03 (ba) chiếc mô tô điện, do 03 (ba) chiếc mô tô đã bị tạm giữ để trả lại cho bị hại nên cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh C số tiền 1.370.000 đồng là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị L1 cho La Văn T2 mượn chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO để sử dụng và sau đó T2 dùng vào việc liên lạc với Sầm Đình T và gọi cho Hoàng Doãn C để bán 03 (ba) chiếc mô tô trộm được vào ngày 15/4/2023. Tuy nhiên bản thân bà L1 không biết việc T2 mượn điện thoại rồi sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản và bà có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại do vậy cần trả lại cho bà L1 chiếc điện thoại đang bị tạm giữ, ngoài ra bà L1 không có yêu cầu, đề nghị T2 bồi thường gì khác.

[6] Về vật chứng:

Đối với 03 (một) chiếc mô tô điện đã qua sử dụng xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Viết H nên trả lại cho ông H sở hữu.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: Dream II; màu sơn: nâu; yếm xe màu trắng biển số: 20M4 – 0988 quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo La Văn T2, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Chiếc xe máy khi mua không có giấy tờ xe (đăng ký xe), sau khi mua T2 không biết rõ nguồn gốc và T2 trực tiếp sử dụng, không sửa chữa thay đổi gì. Tuy nhiên quá trình điều tra (tra cứu, xác minh) thì chiếc biển kiểm soát gắn ở xe của T2 bị thu giữ là biển kiểm soát thu giữ của một xe mô tô khác. Do đó xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng, xe có số khung, số máy và biển kiểm soát không đồng nhất (của 2 xe khác nhau) và không xác định được chủ sở hữu. Do đó cần giao lại cho Công an huyện C tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L1 mẹ bị cáo, khi cho T2 mượn điện thoại bản thân bà L1 không biết việc T2 mượn điện thoại rồi sử dụng vào việc đi trộm cắp tài sản và bà có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại do vậy cần trả lại chiếc điện thoại cho bà L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại điện thoại có phím bấm tạm giữ của Sầm Đình T. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là phương tiện T liên lạc với T2 để đi trộm cắp tài sản do vậy cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước. Các bao bì liên quan việc niêm phong 02 chiếc điện thoại tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 (hai) chiếc quạt công nghiệp (loại quạt đứng) màu đen đã qua sử dụng và 36,30 m (ba sáu phẩy ba không mét) dây điện màu đen đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 11kg. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã

tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với tổng số tiền 2.770.000đ (hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà Sầm Đình T và La Văn T2 nhận được (trong đó có số tiền 1.370.000đ bán 03 chiếc mô tô trộm được) từ việc bán các tài sản trộm cắp được trong các ngày 09, 14, 15/4/2023 cho Hoàng Doãn C và Tô Văn T3 thì sau đó Tứ và Tiên đã chi tiêu cá nhân hết. Nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được. Quá trình điều tra anh T3 không yêu cầu lấy lại số tiền 1.000.000đ anh T3 đã bỏ ra mua dây điện, anh C yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 400.000đ anh C đã bỏ ra mua hai chiếc quạt. Vụ việc liên quan đến 02 chiếc quạt và 36,30 m dây điện do T và T2 trộm cắp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với 01 (một) chiếc kim, 01 (một) mỏ lét được T và T2 sử dụng để tháo trộm 03 (ba) chiếc mô tô tại xưởng gỗ của ông Nguyễn Viết H thì sau đó T đã vứt bỏ xuống suối tại khu vực thôn Nà, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nhưng T không nhớ vị trí và 03 (ba) chiếc bao tải dứa màu trắng mà T và T lấy ở xưởng gỗ ông Nguyễn Viết H để đựng 03 (ba) chiếc mô tô trộm được sau đó mang bán cho Hoàng Doãn C thì C đã bỏ ra, không nhớ để đâu. Nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

[7] Đối với anh Hoàng Doãn C là người mua 03 (ba) chiếc mô tô, 02 (hai) chiếc quạt do Sầm Đình T và La Văn T2 trộm cắp được ngày 14, 15/4/2023. Quá trình điều tra xác định anh C không biết đó là tài sản do T và T trộm cắp được mà có. Nên Cơ quan điều tra công an xem xét, xử lý.

Đối với anh Tô Văn T3 là người đã mua số dây điện mà T và T2 lấy trộm được vào ngày 09/4/2023. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định anh T3 không biết đó là tài sản do T và T2 trộm cắp được mà có. Nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ bị cáo La Văn T2) là chủ sở hữu và cho T2 mượn chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO để sử dụng và sau đó T2 dùng vào việc liên lạc với Sầm Đình T và anh gọi cho anh Hoàng Doãn C để bán 03 (ba) chiếc mô tô trộm được vào ngày 15/4/2023. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định bà L1 không biết việc T2 mượn và sau đó dùng vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với hành vi của Sầm Đình T và La Văn T2 trộm cắp 36,30m (ba mươi sáu phẩy ba mươi mét) dây điện có giá trị là 935.000đ (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) ngày 09/4/2023 và 02 (hai) chiếc quạt công nghiệp có giá trị 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) ngày 14/4/2023. Do giá trị tài sản T và T2 lấy trộm ngày 09, 14/4/2023 đều dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bản thân T và T2 thời điểm thực hiện hành vi bản thân đều không có tiền án, tiền sự gì liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách và chuyển cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền (xử lý hành chính) là đúng pháp luật.

Đối với nội dung đơn trình báo và lời khai của ông Nguyễn Viết H về việc

ngoài mất trộm một số dây điện vào ngày 09/4/2023 và 03 (ba) chiếc mô tơ vào ngày 15/4/2023 thì bản thân ông còn bị mất trộm 01 (một) mặt của hệ thống máy mài dao có trọng lượng khoảng 70kg (bảy mươi kilôgam), 01 (một) máy cắt sắt và một số vật dụng sửa chữa máy móc bằng kim loại khác nhưng ông không nhớ số lượng, chủng loại, những tài sản này ông không biết mất trộm chính xác vào thời gian nào, không biết ai lấy và không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc mất trộm những tài sản này. Quá trình điều tra Sầm Đình T và La Văn T2 chỉ thừa nhận được trộm số dây điện vào ngày 09/4/2023 và 03 (ba) chiếc mô tơ vào ngày 15/4/2023 tại xưởng gỗ của ông H và không được lấy trộm tài sản nào khác. Do quá trình điều tra chưa xác định được có hành vi trộm cắp các tài sản 01 (một) mặt máy mài, 01 (một) máy cắt sắt và một số vật dụng sửa chữa máy móc bằng kim loại khác như trình bày của ông H hay không. Nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố các bị cáo Sầm Đình Tứ và La Văn Tiên phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Sầm Đình T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo La Văn T2 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Doãn C số tiền 1.370.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền cụ thể từng bị cáo phải bồi thường:

- Bị cáo Sầm Đình T phải bồi thường số tiền 685.000đ (sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Bị cáo La Văn T2 phải bồi thường số tiền 685.000đ (sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Nguyễn Việt H 01 (một) chiếc mô tơ (motor) màu xám bạc đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 29,3 kg; 01 (một) chiếc mô tơ (motor) màu xám bạc đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 28,1 kg; 01 (một) chiếc mô tơ (motor) màu xám bạc đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, có khối lượng là 43 kg;

- Chuyển lại cho Công an huyện C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: Dream II; màu sơn: nâu; yếm xe màu trắng; không có gương chiếu hậu; số khung: RLPWCH1HY7B002028; số máy: VZS152FMH*246028*; biển số: 20M4 – 0988 tạm giữ của La Văn T2 để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, màn hình cảm ứng (tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong ký hiệu A1, trên mặt niêm phong có 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, 03 (ba) chữ ký không đọc được và các dòng chữ “Lường Thế A”, “Trương Văn T4”, “A1”, “T2”, “La Văn T2”);

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại điện thoại có phím bấm tạm giữ của Sầm Đình T (tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong ký hiệu A2, trên mặt niêm phong có 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Công an xã Đ, 03 (ba) chữ ký không đọc được và các dòng chữ “Lường Thế A”, “Trương Văn T4”, “A2”, “T”, “Sầm Đình T”.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Các bị cáo Sầm Đình T và La Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tt;
- Lưu HSVA, hồ sơ THAHS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hiển Công Hanh